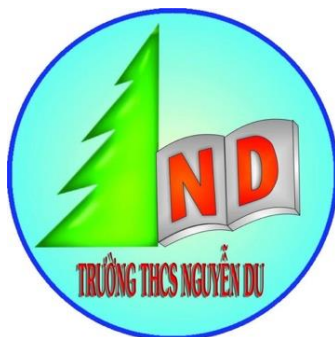


UBND PHƯỜNG XUÂN HƯƠNG - ĐÀ LẠT
TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU



**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP
KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2025 -2026**

KHỐI 8

Xuân Hương – Đà Lạt, tháng 12 năm 2025

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN TOÁN 8

Ôn tập lí thuyết và bài tập liên quan tới các nội dung kiến thức sau:

A. PHẦN ĐẠI SỐ

1. Phân thức đại số.
2. Cộng, trừ phân thức đại số.
3. Nhân, chia phân thức đại số.

B. HÌNH HỌC

1. Định lí Pythagore.
2. Hình bình hành – hình thoi.
3. Hình chữ nhật – hình vuông.

C. THỐNG KÊ

1. Thu thập và phân loại dữ liệu.
2. Lựa chọn dạng biểu đồ để biểu diễn dữ liệu.
3. Phân tích dữ liệu.

BÀI TẬP THAM KHẢO

A. PHẦN ĐẠI SỐ

I. Trắc nghiệm:

- Câu 1:** Biểu thức $\frac{A}{B}$ là phân thức đại số khi
- A. A, B là những đa thức. B. A, B là những đa thức và B khác đa thức không.
C. A là đa thức. D. B là đa thức.

Câu 2: Trong các biểu thức sau, phân thức là

- A. $\frac{2x+1}{x-3}$. B. $\frac{ab-2}{0}$. C. $\frac{\sqrt{x}}{x+1}$. D. $\frac{x+\sqrt{x}}{2x+\sqrt{x}}$.

Câu 3: Trong các biểu thức sau, biểu thức **không phải** phân thức là

- A. $2x + y$. B. $\frac{3x^2}{\sqrt{x}+2}$. C. $\frac{5}{3}$. D. $\frac{3x^2}{x+2}$.

Câu 4: Phân thức $\frac{2x+1}{x-3}$ có tử thức là:

- A. $2x+1$. B. $2x-1$. C. $x-3$. D. $x+3$.

Câu 5: Phân thức $\frac{3x^2}{x+2}$ xác định khi

- A. $x \neq 0$. B. $x \neq 2$. C. $x \neq -2$. D. $x \neq 3$.

Câu 6: Giá trị phân thức $\frac{2x+1}{x}$ ($x \neq 0$) tại $x = 1$ là

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 17: Giá trị phân thức $\frac{x-y}{x+y}$ ($x+y \neq 0$) tại $x = 2, y = -2$ là

- A. 0. B. 1. C. 2. D. Không xác định

Câu 8: $\frac{A}{B} = \frac{C}{D}$ nếu A. $A.B = C.D$. B. $A.C = B.D$. C. $A.C = B.C$. D. $A.D = B.C$.

Câu 9: Phân thức bằng với phân thức $\frac{5x}{10xy}$ là

- A. $2y$. B. $\frac{1}{y}$. C. y . D. $\frac{1}{2y}$.

Câu 10: Kết quả Đúng là

- A. $\frac{7x}{5} = \frac{5}{7x}$ B. $\frac{1}{x} = \frac{x^2}{x}$ C. $\frac{5x+1}{7} = \frac{7x+1}{5}$ D. $\frac{x^2-25}{5x-x^2} = \frac{x+5}{-x}$

Câu 11: Phân thức $\frac{2-x}{x^2-4}$ bằng phân thức nào trong các phân thức sau :

- A. $\frac{-1}{x+2}$ B. $\frac{x-2}{x+2}$ C. $\frac{-1}{x-2}$ D. $\frac{x}{x+2}$

Câu 12: Rút gọn phân thức $\frac{x^2-y^2}{(x+y)^2}$ được kết quả bằng :

- A. $\frac{x-y}{x+y}$ B. $\frac{x+y}{x-y}$ C. $\frac{x+y}{x+y}$ D. $\frac{x-y}{x-y}$

Câu 13: Đa thức P trong đẳng thức $\frac{x^2+2xy+y^2}{x-y} = \frac{P}{x^2-y^2}$ là

- A. $P = (x+y)^3$ B. $P = x^3 + y^3$ C. $P = x^3 - y^3$ D. $P = (x-y)^3$

Câu 14: Đa thức Q trong đẳng thức $\frac{x-2}{2x^2+3} = \frac{2x^2-4x}{Q}$ là

- A. $Q = 4x^3 + 6x$ B. $Q = 6x^2 - 4x$ C. $Q = 4x^2 + 6$ D. $Q = 6x^3 + 9$

II. Tự luận:

Bài 1: Chỉ ra các phân thức trong các biểu thức sau: $\frac{3x+1}{2x-1}; x^2 - 3x + 5; \sqrt{3}; \frac{x+\sqrt{x}}{3x+2}; -\frac{2}{3}$

Bài 2: a) Viết điều kiện xác định của các phân thức: $\frac{5x+1}{2x+4}$ $\frac{3x+5}{5-x}$ $\frac{2+x}{x(x+1)}$

b) Tính giá trị của phân thức $B = \frac{3x^2+3x}{x^2+2x+1}$ tại $x = -4$

Bài 3: a) Viết các biểu thức sau thành đa thức $(x+2)^2$ $(3y-1)^2$

b) Giải thích vì sao các cặp phân thức sau bằng nhau?

$\frac{3ac}{a^3b}$ và $\frac{6c}{2a^2b}$ $\frac{3ab-3b^2}{6b^2}$ và $\frac{a-b}{2b}$

Bài 4: Rút gọn các phân thức sau:

- a) $\frac{4x^2y^3}{6x^3y^2}$ b) $\frac{3x^2y(x-1)}{6xz(x-1)}$ c) $\frac{(2x-1)^2}{(1-2x)(x-3)}$
 d) $\frac{x^3-1}{x-1}$ e) $\frac{3x^2+6xy}{6x^2}$ f) $\frac{y-3xy}{9x^2-6x+1}$

Bài 5: Thực hiện phép tính:

$$\begin{array}{llll} \text{a)} \frac{x-2y}{2xy} + \frac{3x+2y}{2xy} & \text{b)} \frac{x^2+5x}{x+2} - \frac{x-4}{2+x} & \text{c)} \frac{x^2y-1}{x^2-y^2} - \frac{1-xy^2}{y^2-x^2} & \text{d)} \frac{4x^2}{2x^2-xy} + \frac{4xy-y^2}{xy-2x^2} \\ \text{e)} \frac{x}{xy-y^2} + \frac{2x-y}{xy-x^2} & \text{f)} \frac{x+9}{x^2-9} - \frac{3}{x^2+3x} & \text{g)} \frac{15x}{7y^3} \cdot \frac{2y^2}{x^2} & \text{h)} \frac{x^2-36}{2x+12} : \frac{6-x}{2} \\ \text{i)} \frac{2a^3-2b^3}{3a+3b} \cdot \frac{6a+6b}{a^2-2ab+b^2} \end{array}$$

Bài 6: Thực hiện phép tính:

$$\begin{array}{ll} \text{a)} \left(\frac{x}{xy-y^2} + \frac{2x-y}{xy-x^2} \right) : \frac{x^3-xy^2}{x+y} & \text{b)} \left(\frac{1}{x^2+x} - \frac{2-x}{x+1} \right) : \left(\frac{1}{x} + x - 2 \right) \\ \text{c)} \left(\frac{3x}{1-3x} + \frac{2x}{3x+1} \right) : \frac{6x^2+10x}{1-6x+9x^2} & \text{d)} \left(\frac{9}{x^3-9x} + \frac{1}{x+3} \right) : \left(\frac{x-3}{x^2+3x} - \frac{x}{3x+9} \right) \\ \text{e)} \frac{x+1}{x+2} : \left(\frac{x+2}{x+3} : \frac{x+3}{x+1} \right) & \text{f)} \left(\frac{1-x}{x} + x^2 - 1 \right) : \frac{x-1}{x} \\ \text{g)} \frac{1}{4a} - \frac{1}{a+b} \cdot \left(\frac{a+b}{4a} - a^2b - ab^2 \right) & \text{h)} \left(\frac{x-y}{x+y} + \frac{x+y}{x-y} \right) \cdot \left(\frac{x^2+y^2}{2xy} + 1 \right) \cdot \frac{xy}{x^2+y^2} \end{array}$$

$$P = \frac{x^2+2x}{2x+10} + \frac{x-5}{x} + \frac{50-5x}{2x(x+5)}$$

Bài 7: Cho biểu thức:

- a) Tìm điều kiện xác định của P. b) Rút gọn biểu thức P.
c) Tìm giá trị của x để P = 0. d) Tìm giá trị của x để P > 0; P < 0.

B. PHẦN HÌNH HỌC

I. Trắc nghiệm:

Câu 1: Hãy chọn câu sai:

- A. Tứ giác có hai cặp cạnh đối song song là hình bình hành.
B. Hình thang có hai góc kề một đáy bằng nhau là hình bình hành.
C. Tứ giác có hai cặp cạnh đối bằng nhau là hình bình hành.
D. Tứ giác có hai cặp góc đối bằng nhau là hình bình hành.

Câu 2: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống: “Tứ giác có hai đường chéo ... thì tứ giác đó là hình bình hành”.

- A. bằng nhau B. cắt nhau C. cắt nhau tại trung điểm mỗi đường D. song song

Câu 3: Chọn câu đúng

- A. Hình bình hành có hai cạnh kề bằng nhau là hình chữ nhật.
B. Hình bình hành có một góc vuông là hình chữ nhật.
C. Hình bình hành có hai cạnh kề bằng nhau là hình chữ nhật.
D. Hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình chữ nhật.

Câu 4: Hãy chọn câu sai.

- A. Tứ giác có 4 cạnh bằng nhau là hình thoi
B. Tứ giác có hai đường chéo vuông góc với nhau và bằng nhau là hình thoi
C. Hình bình hành có đường chéo là phân giác của một góc là hình thoi
D. Hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình thoi

Câu 5: Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng?

- A. Hình chữ nhật có hai đường chéo bằng nhau là hình vuông.
B. Hình thoi có hai đường chéo vuông góc là hình vuông.

- C. Hình thoi có một góc vuông là hình vuông.
D. Hình chữ nhật có một góc vuông là hình vuông.

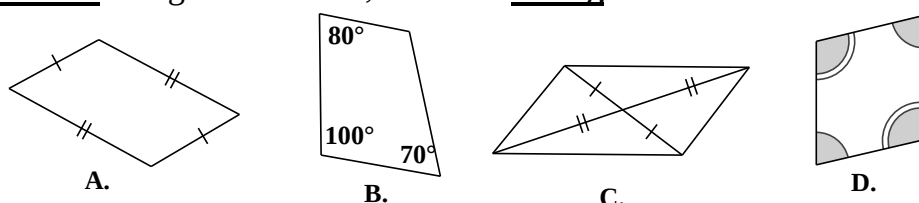
Câu 6: Chọn đáp án đúng trong các đáp án sau. Hình chữ nhật có:

- A. Hai đường chéo vuông góc với nhau.
B. Mỗi đường chéo là tia phân giác của một góc.
C. Hai đường chéo không bằng nhau.
D. Hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.

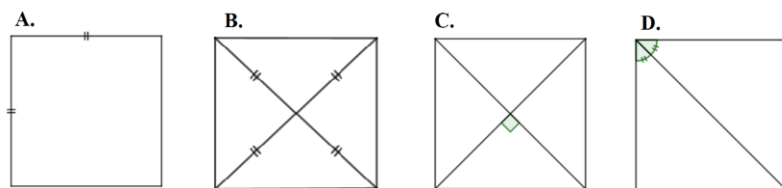
Câu 7: Chọn đáp án đúng nhất khi phát biểu về hai đường chéo của hình vuông?

- A. Hình vuông có hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.
B. Hình vuông có hai đường chéo vuông góc.
C. Hai đường chéo của hình vuông là các đường phân giác của các góc của hình vuông.
D. Cả A,B,C đều đúng.

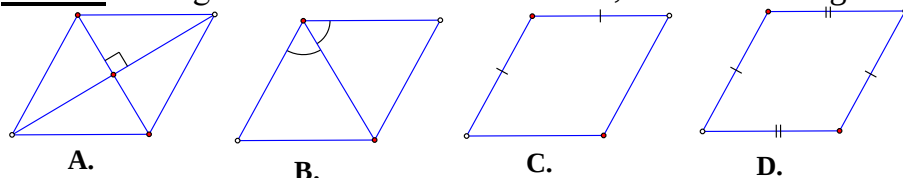
Câu 8: Trong các hình sau, hình nào **không** là hình bình hành?



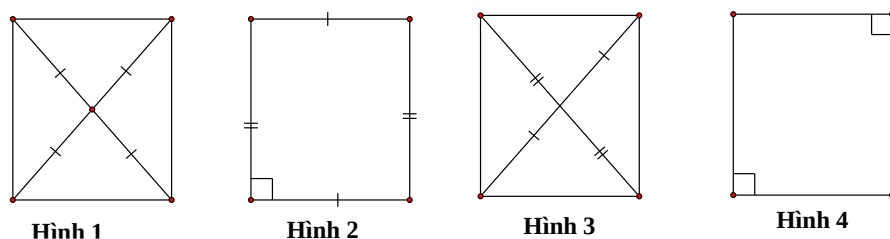
Câu 9: Trong các hình chữ nhật bên dưới, hình nào **không phải** là hình vuông?



Câu 10: Trong các hình bình hành bên dưới, hình nào không là hình thoi?



Câu 11: Trong các hình bên dưới, hình chữ nhật là



- A. Hình 3 B. Hình 4 C. Hình 2 và hình 3 D. Hình 1 và hình 4

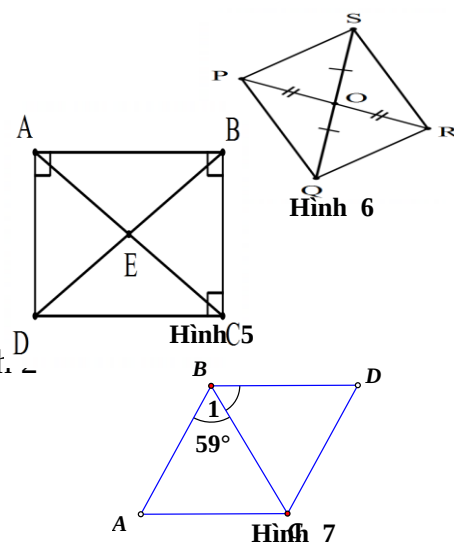
Câu 12: Cho hình bình hành PQRS (hình 5), khẳng định **sai** là

- A. $SO = PO = QO = RO$ B. $SQ = 2.SO$
C. $SO = OQ = \frac{SQ}{2}$ D. $SO = QO; PO = RO$

Câu 13: Cho hình bình hành ABCD. Chọn khẳng định **sai**.

- A. $AB = CD$ B. $AD = BC$ C. $A = C; B = D$ D. $AC = BD$

Câu 14: Cho hình 6, biết ABCD là hình chữ nhật, E là giao điểm hai đường

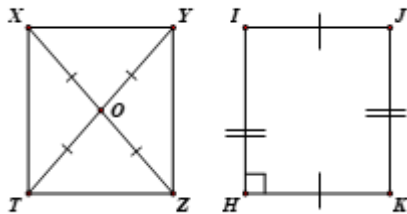


chéo và $AE = 3\text{cm}$. Độ dài đoạn BD là **A.** 3cm. **B.** 6m. **C.** 1,5cm. **D.** 6cm.

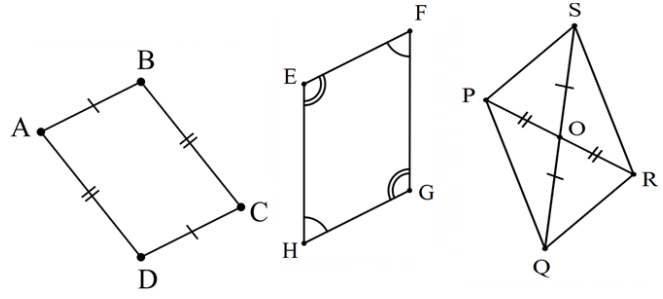
Câu 15: Cho hình 7, biết ABDC là hình thoi, $B_1 = 59^\circ$ thì $\angle ACD$ bằng
A. 59° **B.** 118° **C.** 180° **D.** 90°

II. Tự luận:

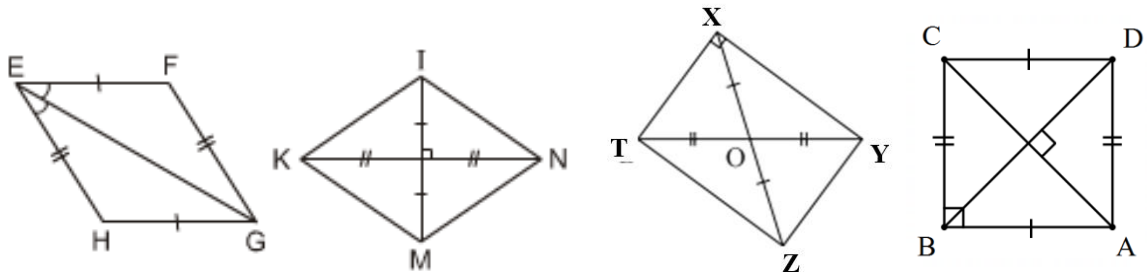
Câu 1: Hãy cho biết vì sao các hình bình hành XYZT và IJKH là hình chữ nhật?



Câu 2: Giải thích vì sao các tứ giác ABCD, EFGH, PQRS là hình bình hành?



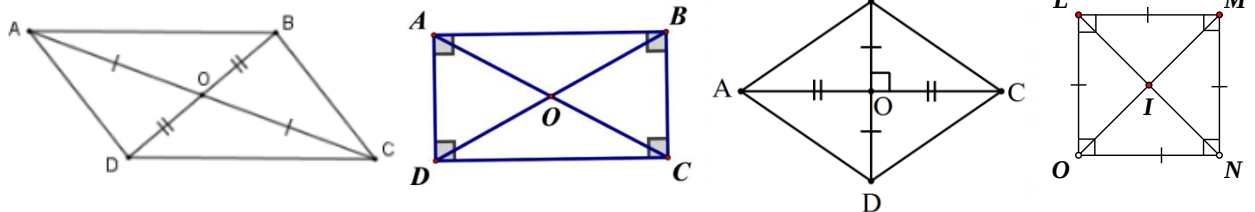
Câu 3: Cho hình bên dưới, hãy giải thích vì sao



- a) Hình bình hành EFGH là hình thoi
 c) Tứ giác XYZT là hình chữ nhật.

- b) Hình bình hành MNIK là hình thoi.
 d) Tứ giác ABCD là hình vuông.

Câu 4: Cho các hình dưới đây:



- a) Cho tứ giác ABCD là hình bình hành, biết $AB = 10\text{cm}$, $OB = 5\text{cm}$; $AO = 7\text{cm}$,

$\angle DAB = 65^\circ$. Tính DC, OD; AC, $\angle DCB$; $\angle ABC$?

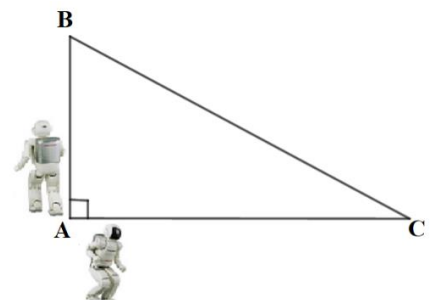
- b) Cho hình chữ nhật ABCD có O là giao điểm hai đường chéo. Biết $AB = 12\text{ cm}$; $AD = 5\text{ cm}$. Tính OA.

- c) Cho hình thoi ABCD có O là giao điểm của hai đường chéo, biết $AB = 5\text{cm}$,

$OC = 4\text{cm}$, $\angle OBC = 53^\circ$. Tính BC, AC, BD, $\angle ABC$; $\angle ADC$; $\angle BDC$

- d) Cho hình vuông LMNO có I là giao điểm hai đường chéo và $IM = 2\text{ cm}$. Tính độ dài cạnh hình vuông.

Câu 5: Hai Robot xuất phát cùng một lúc từ vị trí điểm A đi thẳng theo hai hướng tạo với nhau một góc 90° . Sau 10 giây Robot thứ nhất ở vị trí B, Robot thứ hai ở vị trí C cách nhau



39cm. Tính vận tốc của mỗi Robot, biết quãng đường Robot thứ nhất đi bằng $\frac{5}{12}$ quãng đường Robot thứ hai đi.

C. PHẦN THỐNG KÊ

I. Trắc nghiệm:

Câu 1: Bảng bên dưới thống kê số lượng học sinh tham gia hoạt động ngoại khóa của từng lớp, hãy cho biết số liệu của lớp nào không hợp lí:

- A. Lớp 8A. B. Lớp 8B.
C. Lớp 8C. D. Lớp 8D.

Lớp	Sĩ số	Số học sinh đăng kí tham gia hoạt động ngoại khóa
8A	40	35
8B	38	39
8C	40	35
8D	39	36

Câu 2: Hãy chọn phương án đúng về tính hợp lí của các dữ liệu trong bảng thống kê sau:

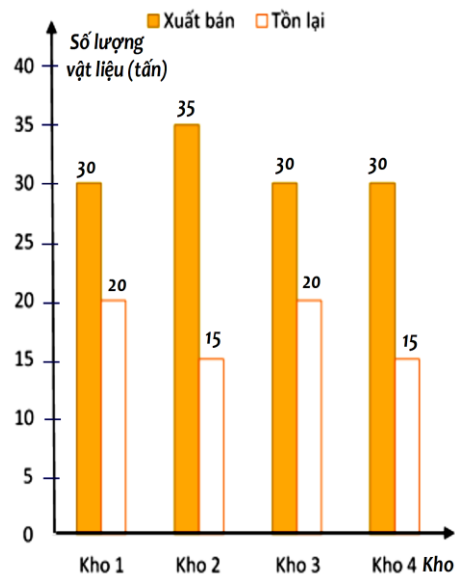
- A. Dữ liệu 14 không hợp lí vì vượt quá phạm vi sĩ số của một lớp học trong trường THCS.
B. Dữ liệu Cả tổ 1 không đúng định dạng (dữ liệu phải là số).
C. Dữ liệu 9 không hợp lí vì vượt quá phạm vi sĩ số của một lớp học trong trường THCS.
D. Dữ liệu 10 không hợp lí vì vượt quá phạm vi sĩ số của một lớp học trong trường THCS.

Thống kê số học sinh lớp 8A8 tham gia các hoạt động giúp ích cho môi trường (mỗi học sinh chỉ cần tham gia một hoạt động)	
Các hoạt động giúp ích môi trường	Số học sinh
Thu gom rác thải	14
Trồng cây xanh	9
Phân loại rác thải	10
Vệ sinh xung quanh khuôn viên	Cả tổ 1

Câu 3: Một công ty kinh doanh vật liệu xây dựng có bốn kho hàng, mỗi kho có 50 tấn hàng. Kế toán của công ty lập biểu đồ cột kép ở hình bên biểu diễn số lượng vật liệu đã xuất bán và số lượng vật liệu còn tồn lại trong mỗi kho sau tuần lễ kinh doanh đầu tiên.

Quan sát biểu đồ và cho biết: kế toán đã ghi nhầm số liệu ở kho nào?

- A. Kho 1. B. Kho 2 và kho 4
C. Kho 1 và kho 3. D. Kho 4.



Câu 4: Phương pháp nào là phù hợp để thống kê dữ liệu về số huy chương của một đoàn thể thao trong một kì Olympic?

- A. Làm thí nghiệm.
B. Thu thập từ nguồn có sẵn như sách báo, Internet.
C. Phỏng vấn. D. Quan sát trực tiếp.

Câu 5: Thân nhiệt (°C) của bạn An trong cùng khung giờ 7h sáng các ngày trong tuần được ghi lại trong bảng sau:

Thời điểm	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật
Nhiệt độ (°C)	36,5	36,7	36,8	36,7	37	37,2	36,8

Bạn An đã thu được dữ liệu trên bằng cách nào?

- A. Xem tivi B. Lập bảng hỏi
C. Ghi chép số liệu thống kê hàng ngày
D. Thu thập từ các nguồn có sẵn như: sách, báo, web.

Câu 6: Cho bảng thống kê về số lượng các loài thực vật ở Việt Nam. Tổng số loài thực vật ở Việt Nam là:

- A. 10541 B. 10841
C. 11541 D. 11631

Ngành thực vật	Số lượng loài
Hạt kín	10300
Hạt trần	69
Dương xỉ	691
Rêu	481

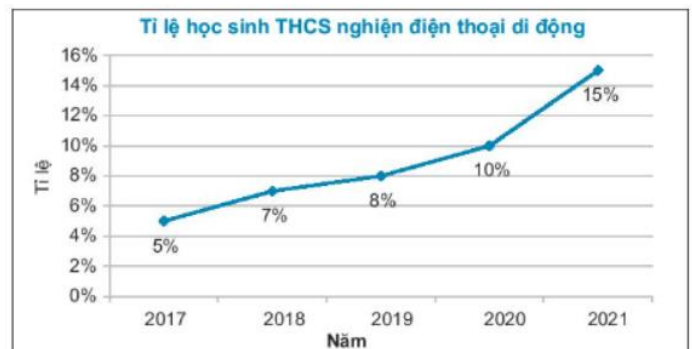
Câu 7: Xếp loại thi đua bốn tổ lao động của một đội sản xuất được thống kê ở bảng sau (đơn vị: người). Bằng cách phân tích và xử lý dữ liệu thống kê hãy cho biết đội sản xuất có bao nhiêu người

- A. 38 người B. 43 người
C. 40 người D. 45 người

Tổ	Tổ 1	Tổ 2	Tổ 3	Tổ 4
Giỏi	7	6	5	6
Khá	2	2	5	1
Đạt	1	2	0	3

Câu 8: Quan sát biểu đồ đoạn thẳng, nhận xét nào sau đây hợp lý:

- A. Năm 2020 – 2021 tỉ lệ học sinh nghiện điện thoại di động tăng nhiều nhất.
B. Năm 2018 – 2019 tỉ lệ học sinh nghiện điện thoại di động không tăng.
C. Năm 2019 đến 2020 tỉ lệ học sinh nghiện điện thoại di động giảm.
D. Năm 2017 – 2018 tỉ lệ học sinh nghiện điện thoại di động tăng ít nhất.



Câu 9: Theo một nghiên cứu trẻ nghiện điện thoại có ít chất trắng trong não hơn và có hiện tượng co não ảnh hưởng đến khả năng vận động và nhận thức. Nếu tỉ lệ học sinh nghiện điện thoại trên 10% nhà trường sẽ tổ chức chương trình cai nghiện điện thoại cho học sinh. Trong biểu đồ ở câu 1, năm nào học sinh cần tham gia chương trình cai nghiện điện thoại?

- A. 2017 B. 2021 C. 2020 D. 2019.

Câu 10: Dựa vào bảng xếp hạng huy chương SEA Games 31 trong bảng thống kê sau. Em hãy cho biết nhận xét nào **không đúng** trong các nhận xét sau:

- A. Đoàn thể thao Thái Lan đứng đầu bảng tổng sắp huy chương SEA Games 31
B. Số huy chương vàng của đoàn thể thao Việt Nam tại SEA Games 31 là nhiều nhất.
C. Tại SEA Games 31, đoàn thể thao Việt Nam có tổng số huy chương nhiều nhất.
D. Đoàn thể thao Indonesia có tổng số huy chương ít nhất.

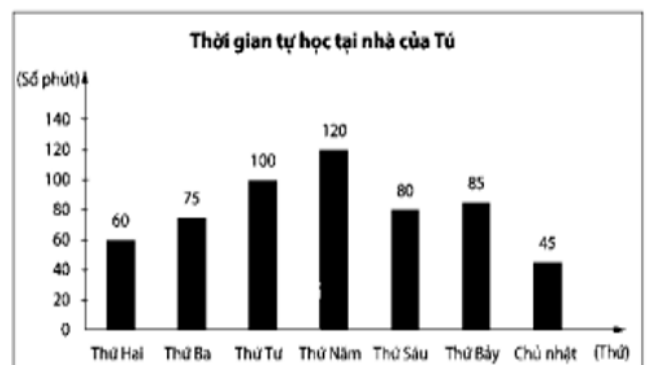
Việt Nam	205	125	116	446
Thái Lan	92	103	137	332
Indonesia	69	91	81	241
Philippines	52	70	105	227
Singapore	47	46	73	166

(Nguồn: <https://seagames2021.com>)

Câu 11: Thời gian tự học ở nhà của bạn Tú trong một tuần được biểu diễn bằng biểu đồ cột sau:

Dữ liệu nào là chưa chính xác?

- A. Thời gian tự học của bạn Tú ít nhất là vào chủ nhật.
B. Thời gian tự học của bạn Tú nhiều nhất là vào thứ năm.



C. Bạn Tú nói thời gian bạn tự học trên 60 phút mới đủ để làm hết các bài tập. vậy có 05 ngày bạn Tú đủ thời gian tự học để làm hết bài tập.

D. Bạn Tú nói thời gian bạn tự học trên 100 phút mới đủ để làm bài tập và tham khảo thêm bài tập nâng cao. Vậy bạn có 02 ngày trong tuần thực hiện được điều đó.

II. Tự luận:

Câu 1: Hãy đề xuất phương pháp thu thập dữ liệu cho các vấn đề sau:

- Số lần gieo được hai mặt có tổng số chấm bằng 12 khi gieo hai con xúc xắc 20 lần.
- So sánh số lần ghi bàn của Lionel Messi và Kylian Mbappé Lottin trong World Cup 2022.
- Ý kiến của cha mẹ học sinh trường Trung học cơ sở Nguyễn Du về hoạt động trải nghiệm của nhà trường.
- Dân số các tỉnh Tây Nam Bộ của Việt Nam.

Câu 2: Thông tin về bốn học sinh trong đội chạy tiếp sức của lớp 8A được cho bởi bảng thống kê sau:

Họ và tên	Giới tính	Cân nặng (kg)	Cự li chạy (m)	Kĩ thuật chạy	Số nội dung thi đấu
Lê Kinh Điền	Nam	50	200	Tốt	2
Đỗ Kim Anh	Nữ	45	100	Trung bình	1
Trần Việt Dã	Nam	49	400	Tốt	3
Hoàng Minh Hà	Nữ	47	200	Khá	2

Hãy phân loại các dữ liệu trên theo các tiêu chí (dữ liệu định danh, dữ liệu biểu thị thứ bậc, dữ liệu rời rạc, dữ liệu liên tục)

Câu 3: Tìm điểm không hợp lý trong các bảng thống kê sau.

- Bảng thống kê số học sinh lớp 8C tham gia các câu lạc bộ thể thao (mỗi học sinh chỉ tham gia một môn)

Môn thể thao	Bóng đá	Cầu lông	Bóng chuyền	Bóng bàn
Số học sinh tham gia	11	Các bạn nữ	15	120

- Để đảm bảo kì thi cuối HKI lớp 8 một cách khách quan nhà trường chia thành các phòng. Lớp 8 có 105 học sinh được chia thành 5 phòng. Bảng thống kê số học sinh ở mỗi phòng như sau:

Phòng	Số học sinh
1	21
2	21
3	20
4	22
5	22

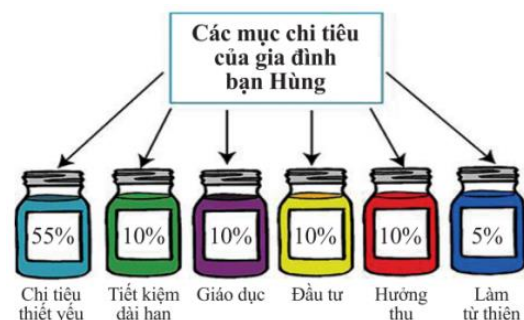
Câu 4: Bảng thống kê sau cho biết tỉ số phần trăm sự lựa chọn của học sinh đối với bốn nhãn hiệu bút bi trong số 100 học sinh được phỏng vấn. Xét tính hợp lí của các quảng cáo sau đây đối với nhãn bút bi E:

- E là nhãn hiệu được tất cả học sinh lựa chọn.
- E là nhãn hiệu được lựa chọn cao nhất.
- E là một trong các nhãn hiệu được lựa chọn cao nhất
- E là nhãn hiệu được lựa chọn ít nhất.

Nhãn hiệu bút bi	Tỉ số phần trăm
E	39%
F	41%
G	12%
H	8%

Câu 5: Phân tích chi tiêu hàng tháng của gia đình bạn Hùng (minh họa ở hình bên) và cho biết:

- Chi tiêu dành cho giáo dục chiếm tỉ lệ phần trăm bao nhiêu?
- Chi tiêu nào chiếm tỉ lệ cao nhất?

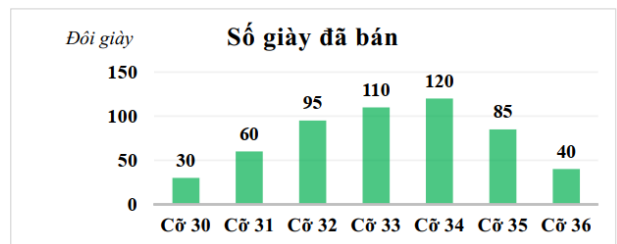


- Gia đình Hùng có kế hoạch mua nhà ở nên ngoài chi tiêu thiết yếu và giáo dục còn lại sẽ để tiết kiệm dài hạn, hỏi mỗi tháng gia đình Hùng tiết kiệm được bao nhiêu phần trăm?

Câu 6: Dưới đây là biểu đồ thống kê của một cửa hàng bán giày trẻ em trong tháng 11/2024 (đơn vị: đôi giày)

+ Hỏi cửa hàng đó bán được cỡ giày nào nhiều nhất? cỡ giày nào ít nhất?

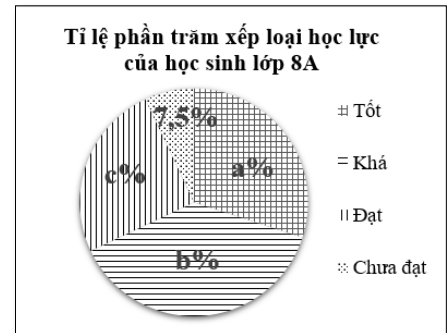
+ Tình huống những cỡ giày bán được trên 80 đôi trong tháng 11 thì cửa hàng nên đặt thêm những cỡ giày để bán, theo em đó là cỡ giày nào? Hãy giải thích?



Câu 7: Cho bảng thống kê xếp loại học lực của học sinh lớp 8A trong bảng sau:

Thống kê xếp loại học lực của học sinh lớp 8A				
Xếp loại	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Số học sinh	12	15	10	3

Bảng thống kê trên được chuyển sang biểu đồ hình quạt tròn như hình bên dưới. Hãy tính các giá trị của a, b, c trong biểu đồ.



Câu 8: Một giáo viên dạy thể chất đã thống kê thời gian chạy 100m (tính theo giây) của 20 học sinh nam và ghi lại trong bảng số liệu ban đầu như sau:

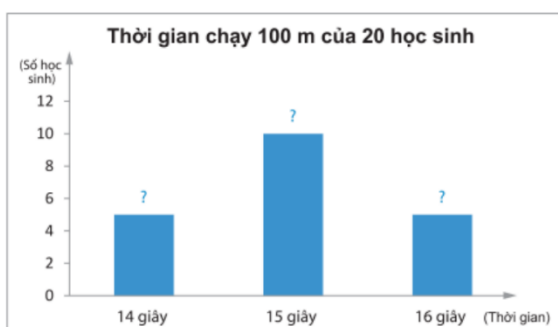
15	14	15	16	14	16	16	15	14	15
15	15	16	15	15	15	14	16	14	15

a) Chuyển dữ liệu từ bảng số liệu ban đầu ở trên sang dạng bảng thống kê sau:

Thời gian chạy (giây)	14	15	16
Số học sinh	?	?	?
Tỉ lệ phần trăm	?	?	?

b) Hãy chuyển dữ liệu từ bảng thống kê ở câu a sang dạng biểu đồ cột và biểu đồ hình quạt tròn sau đây

Biểu đồ cột:



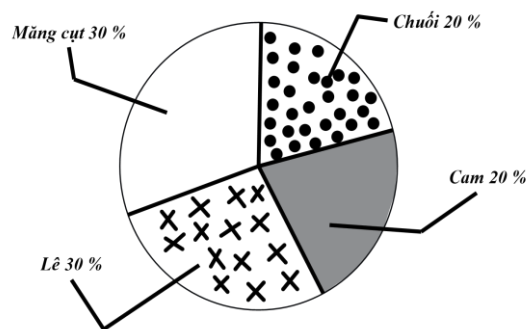
Biểu đồ hình quạt tròn:



c) Hãy so sánh ý nghĩa của biểu đồ cột và biểu đồ hình quạt tròn.

Câu 9: Biểu đồ hình quạt tròn biểu diễn kết quả thống kê tỉ lệ phần trăm các trái cây yêu thích của 40 học sinh lớp 8A theo mỗi loại trái cây: *Chuối*; *Cam*; *Lê*; *Mãng cụt*.

a) Lập bảng thống kê số học sinh 8A yêu thích từng loại trái cây : *Chuối*; *Cam*; *Lê*; *Mãng cụt* theo mẫu sau :

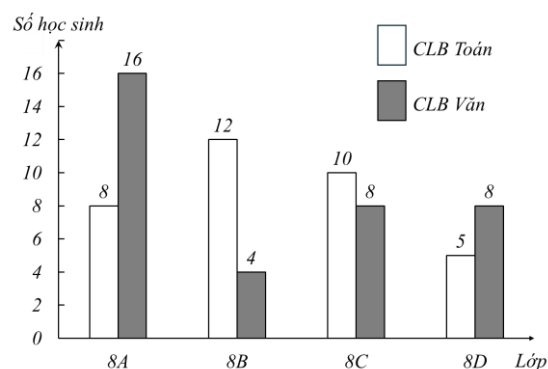


Loại trái cây	Chuối	Cam	Lê	Mãng cụt
Tỉ lệ phần trăm	?	?	?	?
Số học sinh	?	?	?	?

b) Số học sinh yêu thích Lê ít hơn tổng số học sinh yêu thích các loại trái cây còn lại là bao nhiêu học sinh ?

Câu 10: Biểu đồ bên thể hiện số lượng học sinh khối lớp 8 tham gia hai câu lạc bộ Toán và Văn của trường.

- Lập bảng thống kê cho biểu đồ trên.
- Cho biết sự khác nhau về việc tham gia đăng ký hai câu lạc bộ Toán và Văn của hai lớp 8A và 8B.
- Nếu lớp 8A có số lượng tham gia câu lạc bộ môn Toán chiếm 20% tổng số học sinh cả lớp, hãy tính xem lớp 8A có bao nhiêu học sinh.
- Hãy so sánh tỉ số học sinh tham gia CLB Toán và CLB Văn của lớp 8A và 8B.



(HS tham khảo thêm các bài tập SGK Toán 8 và SBT Toán 8)

-----HẾT-----